Vietnam Journal of Community Medicine, Special Issue (2022) 100-107

LIST OF DRUGS ANALYSIS FOR USE AT THAI BINH PEDIATRIC HOSPITAL 2020

Vu Tu Anh*

Thai Binh Pediatric Hospital - 2 Ton That Tung, Tran Lam, Thai Binh City, Thai Binh, Vietnam

Received 31/05/2022
Revised 30/06/2022; Accepted 05/08/2022

ABSTRACT

Objectives: To describe the drug use structure and analyze the list of drugs used at Thai Binh Pediatric Hospital in 2020 according to ABC, VEN and ABC/VEN methods.

Subjects and Method: A cross-sectional study 202 drug items were used at Thai Binh Pediatric Hospital in 2020 (January 1, 2020-December 31, 2020).

Result: 202 drug items worth VND 19,168 billion with 9 main groups of physical exercise. Group of antiparasitic drugs and antibiotics with 51 drug items (25.25%) with a value of 11,584 billion VND (60.44%). Drugs acting on the respiratory systerm 13 drug items (6.44%) with a value of 2,892 billion VND (15.09%). Locally produced drugs 100 km with a value of 6.2 billion VND (32.56%). Imported drugs 102km with a value of 12.9 billion VND (67.44%). Single-ingredient drug 185 drug items (91.58%) with a value of 17.02 billion VND (88.84%). Multi-component drug 17 KM (8.42%) with a value of 2.13 billion VND (11.16%). Generic drug 185 KM (91.58%) with a value of 12.36 billion VND (64.51%). Original brand name drug 17 KM (8.42%) with a value of 6.8 billion VND (35.49%). Drugs used by injection 108 KM (53.47%) with a value of 15.3 billion VND (79.93%). The structure of drugs used is according to the ABC classification in terms of use value: Grade A accounts for 79.90%, Grade B accounts for 15.04%, Grade C accounts for 5.06%. Among class A drugs, the group of drugs for the treatment of parasites and anti-infectives accounts for 68.90% of the GTSD. The hospital does not use drugs of group AN.

Conclusion: The structure of drugs used at Thai Binh Pediatric Hospital in 2020 is relatively reasonable and consistent with the disease model of the Pediatric Hospital. However, the Hospital needs to make adjustments to reduce imported drugs and brand-name drugs accordingly.

Keywords: Drug list, ABC, VEN, Thai Binh Pediatric Hospital.

*Corressponding author
Email address: anhbvntb@gmail.com
Phone number: (+84) 982 811 807
https://doi.org/10.52163/yhc.v63iChuyên%20đề%20tháng%209.409

PHÂN TÍCH DANH MỤC THUỐC ĐÃ SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH NĂM 2020

Vũ Tú Anh*

Bệnh viện Nhi Thái Bình - 2 phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, Thái Bình, Việt Nam

Ngày nhận bài: 31 tháng 05 năm 2022
Chỉnh sửa ngày: 30 tháng 06 năm 2022; Ngày duyệt đăng: 05 tháng 08 năm 2022

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả cơ cấu sử dụng thuốc và phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2020 theo phương pháp ABC, VEN và ABC/VEN.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang 202 khoản mục thuốc được sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2020 (01/01/2020-31/12/2020), mô tả cắt ngang.

Kết quả: 202 khoản mục (KM) thuốc có giá trị 19,168 tỷ đồng với 9 nhóm tác dụng dược lý (TDDL) chính. Nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn với 51 KM (25,25%) với giá trị 11,584 tỷ đồng (60,44%). Thuốc tác dụng trên đường hô hấp 13 KM (6,44%) với giá trị 2,892 tỷ đồng (15,09%). Thuốc sản xuất trong nước 100 KM với giá trị sử dụng(GTSD) 6,2 tỷ đồng (32,56%). Thuốc nhập khẩu 102 KM với GTSD 12,9 tỷ đồng (67,44%). Thuốc đơn thành phần 185 KM (91,58%) với GTSD 17,02 tỷ đồng (88,84%). Thuốc đa thành phần 17 KM (8,42%) với GTSD 2,13 tỷ đồng (11,16%). Thuốc Generic 185 KM (91,58%) với GTSD 12,36 tỷ đồng (64,51%). Thuốc Biệt dược gốc 17 KM (8,42%) với GTSD 6,8 tỷ đồng (35,49%). Thuốc sử dụng theo đường tiêm 108 KM (53,47%) với GTSD 15,3 tỷ đồng (79,93%). Cơ cấu thuốc sử dụng theo phân hạng ABC về giá trị sử dụng: hạng A chiếm 79,90%, hạng B chiếm 15,04%, hạng C chiếm 5,06%. Trong các thuốc hạng A: nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm 68,90% GTSD. Bệnh viện không sử dụng các thuốc nhóm AN.

Kết luận: Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2020 là tương đối hợp lý và phù hợp với mô hình bệnh tật của BV chuyên khoa Nhi. Tuy nhiên, Bệnh viện cần có sự điều chỉnh giảm thuốc nhập khẩu và thuốc Biệt dược gốc cho phù hợp.

Từ khóa: Danh mục thuốc, ABC, VEN, Bệnh viện Nhi Thái Bình.

*Tác giả liên hệ
Email: anhbvntb@gmail.com
Điện thoại: (+84) 982 811 807
https://doi.org/10.52163/yhc.v63iChuyên%20đề%20tháng%209.409

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuốc là hàng hóa đặc biệt và vô cùng quan trọng. Nếu sử dụng thuốc không đúng hoặc thuốc kém chất lượng và bất hợp lý sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người bệnh. Sử dụng thuốc thiếu hiệu quả, bất hợp lý nói chung và trong bệnh viện nói riêng đã và đang là vấn đề bất cập của nhiều quốc gia, là vấn đề mà hiện nay các nước trên thế giới đặc biệt quan tâm. Ở nước ta, để có thể xây dựng được một danh mục thuốc tốt, ngày 08/08/2013 Bộ Y tế ban hành Thông tư số 21/2013/TT-BYT quy định về tổ chức hoạt động của Hội đồng thuốc và Điều trị trong bệnh viện, trong đó có nhiệm vụ phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, nhằm đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.

Bệnh viện Nhi Thái Bình là Bệnh viện tuyến tỉnh, hạng I với quy mô hơn 450 giường, thực kê hơn 600 giường. Ngày 20/12/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 3212/QĐ-UBND quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhi Thái Bình trực thuộc Sở Y tế[8]. Hiện nay bệnh viện có 29 khoa, phòng với 15 khoa lâm sàng, 04 khoa cận lâm sàng, 10 phòng chức năng. Tổng số cán bộ 494 người, trong đó có 118 bác sỹ; 212 điều dưỡng; 28 dược sỹ; 33 kỹ thuật viên; 103 chuyên môn khác. Bệnh viện có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi trên địa bàn và một số tỉnh lân cận. Với đặc thù là bệnh viện chuyên khoa Nhi mô hình bệnh tật của bệnh viện có tỷ lệ mắc các bệnh nhiễm khuẩn và bệnh đường hô hấp chiếm tỷ lệ cao. Do vậy, việc xây dựng, lựa chọn, mua sắm danh mục thuốc sao cho hợp lý là một trong những vấn đề được quan tâm và chú trọng. Để tìm ra những vấn đề chưa hợp lý trong cơ cấu thuốc sử dụng, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý sử dụng thuốc hợp lý tại Bệnh viện trong những năm tiếp theo, tôi tiến hành phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2020.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Toàn bộ danh mục thuốc đã sử dụng năm 2020 (từ 01/01/2020 đến 31/12/2020) tại Bệnh viện Nhi Thái Bình gồm 202 khoản mục thuốc.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Mô tả cắt ngang sử dụng số liệu hồi cứu.

Xử lý số liệu: Số liệu được kết xuất ra file ecell từ phần mềm His, làm sạch số liệu đảm bảo đầy đủ và chính xác của các số liệu sử dụng. Tiến hành phân loại các thuốc sử dụng (Tiêu chuẩn loại trừ: thuốc có nguồn gốc từ dược liệu và chế phẩm YHCT do không sử dụng) theo phân loại VEN (V: Vital – Thuốc tối cần; E: Essential drugs – Thuốc thiết yếu; N: Non-essential drugs – Thuốc không thiết yếu) dựa trên hướng dẫn tại Thông tư số 21/2013/TT-BYT[3], đối chiếu các thuốc phù hợp với danh mục thuốc tại Thông tư số 30/2018/TT-BYT[4] do Bộ Y tế ban hành. Sử dụng phần mềm Excel trong phân tích ABC theo nguyên tắc hạng A gồm các thuốc có tổng % giá trị khoảng 80%, hạng B khoảng 15% và hạng C khoảng 5%. Thông thường sản phẩm hạng A chiếm từ 10 – 20% tổng sản phẩm; hạng B chiếm từ 10 – 20% và hạng C chiếm từ 60 – 80%. Sử dụng kỹ thuật phân tích ma trận ABC/VEN.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ cấu thuốc sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý

Bảng 3.1. Tỷ lệ khoản mục và giá trị thuốc sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý

TT	Nhóm TDDL theo TT 30/2018/TT-BYT	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (1000 VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	51	25,25	11.584.711.929	60,43
2	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	13	6,44	2.892.216.507	15,08
3	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid-base và các dung dịch tiêm truyền khác	20	9,90	981.480.927	5,12
4	Thuốc có tác dụng đối với máu	9	4,46	831.182.952	4,34
5	Huyết thanh và Globulin miễn dịch	3	1,49	818.929.430	4,27
6	Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ	14	6,93	712.861.519	3,72
7	Thuốc đường tiêu hóa	17	8,42	479.300.073	2,50
8	Hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	7	3,47	292.963.384	1,53
9	Nhóm các thuốc khác (13 nhóm)	68	33,66	574.812.974	3,01
	Tổng số	**202**	**100**	**19.168.459.695**	**100**

Danh mục thuốc sử dụng năm 2020 tại Bệnh viện Nhi Thái Bình gồm 202 khoản mục có tổng chi phí sử dụng 19,168 tỷ đồng với 09 nhóm tác dụng dược lý. Ba nhóm thuốc có giá trị sử dụng cao nhất với tổng giá trị chiếm hơn 80% gồm: Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn (60,43%); thuốc tác dụng trên đương hô hấp (15,08%); Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid-base và các dung dịch tiêm truyền khác (5,12%). Điều này cũng tương đối phù hợp với đặc điểm mô hình bệnh tật tại một bệnh viện chuyên khoa Nhi.

Trong nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn gồm 7 nhóm kháng sinh trong đó kháng sinh nhóm Betalactam có số khoản mục và giá trị sử dụng cao nhất với 22 khoản mục tương ứng với 10,476 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 90,44% *(chủ yếu là kháng sinh Cephalosporin thế hệ 2, 3; Kháng sinh nhóm Penicillin và Carbapenem);* Kháng sinh nhóm Aminoglycosid với 05 khoản mục có giá trị 406,8 triệu đồng trong đó chủ yếu là kháng sinh Amikacin với 02 khoản mục chiếm tỷ lệ 97,35% về GTSD của nhóm này. Các nhóm kháng sinh khác chiếm tỷ lệ nhỏ về khoản mục và giá trị sử dụng.

3.2. Cơ cấu thuốc đơn thành phần-đa thành phần trong DMT đã sử dụng

Bảng 3.2. Cơ cấu DMT đơn thành phần/ đa thành phần

TT	Loại thuốc	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		KM	Tỷ lệ (%)	Giá trị (1000 VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc đơn thành phần	185	91,58	17.029.905.937	88,84
2	Thuốc đa thành phần	17	8,42	2.138.553.758	11,16
	Tổng	**202**	**100**	**19.168.459.695**	**100**

Danh mục thuốc được sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2020 chủ yếu là thuốc đơn thành phần với 185 khoản mục tương ứng 91,58% và có GTSD chiếm tỷ lệ 88,84%; thuốc đa thành phần có 17 khoản mục tương ứng 8,42% và có GTSD chiếm tỷ lệ 11,6%. Điều này hoàn toàn phù hợp với việc sử dụng thuốc ghép và chia liều cho đối tượng bệnh nhân chủ yếu là trẻ em từ 1 – 5 tuổi của Bệnh viện Nhi Thái Bình, hoàn toàn phù hợp với khuyến cáo của Bộ Y tế tại Thông tư số 21/2013/TT-BYT về việc ưu tiên sử dụng thuốc đơn chất trong điều trị[3].

3.3. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ và theo tên thuốc

Bảng 3.3. Tỷ lệ khoản mục và GTSD của thuốc theo nguồn gốc, theo tên thuốc và theo thành phần

TT	Nội dung	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		KM	Tỷ lệ (%)	Giá trị (1000 VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Nguồn gốc xuất xứ					
1	Thuốc sản xuất trong nước	100	49,50	6.240.993.680	32,56
2	Thuốc nhập khẩu	102	50,50	12.927.466.015	67,44
Thuốc biệt dược gốc và thuốc Generic					
1	Thuốc biệt dược gốc	17	8,42	6.802.620.644	35,49
2	Thuốc Generic	185	91,58	12.365.839.051	64,51
Thuốc đơn thành phần và đa thành phần					
1	Thuốc đơn thành phần	185	91,58	17.029.905.937	88,84
2	Thuốc đa thành phần	17	8,42	2.138.553.758	11,16
	Tổng	**202**	**100**	**19.168.459.695**	**100**

Năm 2020, Bệnh viện Nhi Thái Bình đã sử dụng thuốc nhập khẩu với giá trị sử dụng chiếm 67,44% gấp đôi so với giá trị sử dụng thuốc sản xuất trong nước (32,56%) trong khi số lượng sử dụng là tương đương nhau. Và tỷ lệ giá trị sử dụng thuốc biệt dược gốc còn cao (35,49%). Thuốc đơn thành phần có giá trị sử dụng chiếm (88,84%).

3.4. Cơ cấu DMT sử dụng theo ma trận ABC/VEN

Bảng 3.4. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo ma trận ABC/VEN

Hạng	Nhóm	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (1000 VNĐ)	Tỷ lệ (%)
A	V	4	1,98	2.878.052.600	15,01
	E	16	7,92	12.437.205.994	64,88
	N	0	0,00	0	0,00
B	V	3	1,49	336.149.225	1,75
	E	24	11,88	2.335.072.744	12,18
	N	2	0,99	212.452.150	1,11
C	V	29	14,36	246.097.433	1,28
	E	103	50,99	663.519.315	3,46
	N	21	10,40	59.910.234	0,31
Tổng		**202**	**100**	**19.168.459.695**	**100**

Kết quả phân tích ABC cho thấy cơ cấu mua sắm tại Bệnh viện là tương đối hợp lý với tỷ lệ khoản mục thuốc hạng A là 9,91%; hạng B là 14,35%; hạng C là 75,74%. Bệnh viện không sử dụng thuốc AN. Trong số các thuốc nhóm E, phân nhóm AE có tỷ lệ giá trị sử dụng nhiều nhất (với 64,88%). Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy số KM thuốc hạng A chưa phù hợp so với quy định *(từ 10-20%)* chứng tỏ tại Bệnh viện Nhi Thái Bình việc sử dụng thuốc đang tập trung chú trọng vào một số nhóm thuốc cần phải có sự điều chỉnh cho phù hợp.

3.5. Cơ cấu thuốc hạng A theo nhóm tác dụng dược lý

Bảng 3.5. Cơ cấu thuốc hạng A theo nhóm tác dụng dược lý

TT	Nhóm TDDL theo TT 30/2018	Giá trị sử dụng		Khoản mục	
		Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỉ lệ %	Số KM	Tỉ lệ %
1	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	10.551.780.586	68,90	12	60,00
2	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	2.848.685.408	18,60	3	15,00
3	Huyết thanh và Globulin miễn dịch	818.700.000	5,35	2	10,00
4	Thuốc tác dụng đối với máu	785.490.000	5,13	2	10,00
5	Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ	310.602.600	2,03	1	5,00
Tổng		**15.315.258.594**	**100**	**20**	**100**

Trong 20 thuốc hạng A có 05 nhóm tác dụng dược lý, 2 nhóm có giá trị sử dụng nhiều gồm: nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn (giá trị sử dụng 68,90% và 60% khoản mục); nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp (18,60% giá trị sử dụng; 15,00% khoản mục).

4. BÀN LUẬN

Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2020 được xem xét trong 12 tháng (từ 01/01/2020 đến 31/12/2020). Kết quả khảo sát cho thấy cơ cấu thuốc đã sử dụng tại bệnh viện cơ bản phù hợp với mô hình bệnh tật của một bệnh viện chuyên khoa Nhi với 90% bệnh nhân là trẻ từ 1 đến 5 tuổi đến khám và điều trị khi bệnh đã nặng và chủ yếu là bệnh về hô hấp và nhiễm khuẩn nặng thông qua tỷ lệ khoản mục và giá trị của một số nhóm thuốc được sử dụng chủ yếu như: nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn (25,25% khoản mục; 60,43% giá trị sử dụng); nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp (6,44% khoản mục; 15,08% giá trị sử dụng).

Ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước được Bộ Y tế quan tâm. Tuy nhiên một số bệnh viện Nhi tuyến tỉnh do đặc thù mô hình bệnh tật nên tỷ lệ giá trị thuốc nhập khẩu được sử dụng còn cao hơn nhiều so với thuốc sản xuất trong nước. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình cũng chỉ ra tỷ lệ về giá trị sử dụng thuốc sản xuất trong nước chỉ chiếm 32,56% trong khi thuốc nhập khẩu có giá trị sử dụng gấp đôi với 67,44%. Là bệnh viện chuyên khoa Nhi tuyến tỉnh lại là 1 trong 5 bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Nhi TW mô hình bệnh tật cho thấy hơn 80% là tỷ lệ mắc các bệnh ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn và bệnh đường hô hấp. Do vậy, bệnh viện vẫn phải sử dụng nhiều các thuốc nhập khẩu. Kết quả này tương tự với kết quả nghiên cứu của Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình năm 2016 là 52,08%[5], Bệnh viện Nhi Thanh Hóa năm 2017 là 71,19%[6], Bệnh viện Sản Nhi Hưng Yên năm 2019 là 68,58%[7].

Thông tư 21/2013/TT-BYT có quy định tiêu chí lựa chọn thuốc khi xây dựng danh mục sử dụng, trong đó ưu tiên sử dụng thuốc đơn thành phần và thuốc generic hoặc thuốc mang tên chung quốc tế. Kết quả nghiên cứu về cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình cho thấy thuốc đơn thành phần có giá trị sử dụng 88,84%; tỷ lệ giá trị sử dụng thuốc biệt dược gốc chiếm 35,49%. So sánh với kết quả này tại một số nghiên cứu giai đoạn 2016 – 2019 Bệnh viện Nhi Thái Bình có giá trị sử dụng thuốc biệt dược gốc cao nhất, Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình năm 2016 (12,05%)[5], Bệnh viện Nhi Thanh Hóa năm 2017 (18,81%)[6], Bệnh viện Sản Nhi Hưng Yên năm 2019 (11,86%)[7]. Việc sử dụng thuốc biệt dược gốc không chỉ chi phí tiền thuốc cao mà còn phân phối độc quyền nên việc cung ứng đôi khi còn gặp khó khăn. Bệnh viện nên cân nhắc, điều chỉnh, bổ sung các thuốc generic phù hợp vào danh mục thuốc bệnh viện.

Kết quả phân tích ma trận ABC/VEN cho thấy Bệnh viện Nhi Thái Bình đã ưu tiên mua sắm các thuốc nhóm V, E và cũng phân bổ phần lớn ngân sách vào 2 loại thuốc này ở cả 3 hạng A,B,C, Bệnh viện không có tình trạng sử dụng thuốc không cần thiết mà chi phí cao (thuốc trong nhóm AN). Mặc dù tỷ lệ giá trị sử dụng thuốc nhóm N chỉ chiếm 1,42%, tuy nhiên luôn là cần thiết việc rà soát hoạt động phân loại thuốc theo VEN và giám sát chặt chẽ các thuốc nhóm N đã sử dụng tại bệnh viện.

5. KẾT LUẬN

Năm 2020, Bênh viện Nhi Thái Bình năm 2020 đã sử dụng nhiều nhất nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn (chiếm 60,43% giá trị sử dụng); thuốc nhập khẩu chiếm giá trị sử dụng cao (67,44%), thuốc biệt dược gốc có giá trị sử dụng chiếm 35,49%, thuốc đơn thành phần có giá trị sử dụng chiếm tỷ lệ 88,84% như vậy về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2020 là tương đối hợp lý và phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện chuyên khoa Nhi.

Phân tích ABC/VEN cho thấy cơ cấu mua sắm thuốc tại bệnh viện là hợp lý, không có nhóm thuốc AN. Các thuốc N sử dụng ít (chiếm 1,42% giá trị sử dụng). Điều này đã phần nào cho thấy vai trò của Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện trong việc lựa chọn, mua sắm thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị cho người bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ministry of Health, Circular 22/2011/ TT-BYT, 10/6/2011 Regulartions on organization and operation of the hospital pharmacy department, 2011.

[2] Ministry of Health, Circular 22/2011/TT-BYT, 10/6/2011 Guide for drug use in health facilities, 2011.

[3] Ministry of Health, Circular 21/2013/ TT-BYT, 8/8/2013 Ministry of Health Regulartions on organization and operation of the council on drug and treatment, 2011.

[4] Ministry of Health, Circular 30/2018/ TT-BYT, 30/10/2018 Progmulgation of category and ratio, term of payment for drug, biologycal products, radiopharmaceuticals, falling within scope of eligibility of health insurance participants, 2018.

[5] Son HN, List of drugs analysis for use at Ninh Binh Manternity and Pediatric Hospital, Pharmacy Thesis, Ha Noi University of Pharmacy, 2016.

[6] Hung VM, List of drugs analysis for use at Thanh Hoa Pediatric Hospital, Pharmacy Thesis, Hanoi University of Pharmacy, 2017.

[7] Hoan VD, List of drugs analysis for use at Hung Yen Manternity and Pediatric Hospital, Pharmacy Thesis, Hanoi University of Pharmacy, 2019.

[8] People's Committee of Thai Binh Province, Decision No 3212/QĐ-UBND 20/12/2021 "Regulartions on funtion, mission, jurisdiction, orgsnizational structure of Thai Binh Pediatric Hospital", 2021.

[9] Anthony S, Manual For The Development And Mainteance Of Hospital Drug Formularies, Management Sciences for Health, pp, 1996.

[10] World Health Organization, "WHO Model List of Essential Medicines for Children 6th", 2017.